

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-6-2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn La

2. Ông Chu Quốc Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 123/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1979

ĐKHKTT: Thôn BCDK, xã TL, huyện LG, tỉnh BG

Địa chỉ nơi ở hiện nay: Tổ XM, phường C, thành phố S, tỉnh T

*** Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn BCDK, xã TL, huyện LG, tỉnh BG

(Anh Đ, Y vắng mặt, đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 30/3/2022 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Trần Văn Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Y trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 24/11/1999 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh BG. Anh chị được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn chị Y về nhà anh làm dâu ngay và chung sống cùng gia đình nhà anh . Thời gian đầu , vợ chồng chung sống hoà

thuận. Từ năm 2006 vợ chồng này sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống, quan điểm nuôi dạy con cái. Thời điểm đó anh đi làm ăn dưới Bắc Ninh, thi thoảng mới về thăm nhà. Kể từ năm 2012, vợ chồng anh chín thức thức ly thân, không còn quan hệ tình cảm và không còn quan tâm lẫn nhau. Nay bản thân anh xét thấy không còn tình cảm với chị Yên, vợ chồng không thể đi tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Yên.

- Về con chung: Giữa anh và chị Yên có 02 con chung là Trần Văn Điềm, sinh ngày 14/11/2000 và Trần Thị Kim Doanh, sinh ngày 06/12/2005. Khi ly hôn anh Đoàn đề nghị Tòa án giao con chung Trần Thị Kim Doanh cho chị Yên là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục vì cháu Doanh từ trước tới nay vẫn đang ở cùng với chị Yên. Cháu Trần Văn Điềm hiện đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất canh tác: Anh Đoàn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn chị Nguyễn Thị Yên trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 09/5/2022 như sau:* Chị và anh Đoàn trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang vào ngày 26/11/1999. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng anh Đoàn và gia đình anh Đoàn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Kể từ khi chị sinh con đầu lòng được 7, 8 tháng tuổi anh Đoàn đi làm ở Bắc Ninh, vợ chồng sống xa nhau, thi thoảng anh Đoàn mới về nhà. Cách đây khoảng 3,4 năm chị phát hiện anh Đoàn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và có con riêng, chị khuyên bảo anh Đoàn lo cho gia đình con cái để không ảnh hưởng đến các con nhưng anh Đoàn không nghe và không về nhà nữa mà sinh sống cùng người phụ nữ khác. Bản thân chị không bao giờ day nghiến anh Đoàn chuyện ngoại tình, vẫn yêu thương chồng con và chung thủy với chồng. Giữa chị và anh Đoàn không còn duy trì quan hệ tình cảm vợ chồng cách đây khoảng 3,4 năm nhưng điều này không quan trọng và không ảnh hưởng đến cuộc sống hôn nhân. Nay anh Đoàn làm đơn khởi kiện xin ly hôn chị thì chị không đồng ý ly hôn với lý do việc ly hôn sẽ ảnh hưởng không tốt đến đời sống tinh thần của các con.

Về con chung: Giữa chị và anh Đoàn có 02 con chung là Trần Văn Điềm, sinh ngày 14/11/2000 và Trần Thị Kim Doanh, sinh ngày 06/12/2005. Trường hợp anh Đoàn kiên quyết xin ly hôn, chị đồng ý tiếp tục nhận nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Trần Thị Kim Doanh và yêu cầu anh Đoàn cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng kể từ khi anh Đoàn nộp đơn khởi kiện đến Tòa án.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, sau này nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

* Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/5/2022, anh Trần Văn Đoàn trình bày: Tình cảm giữa anh và chị Yến không còn, nhiều lần anh muốn ly hôn nhưng chị Yến không đồng ý nên anh không về nhà chung sống cùng mẹ con chị Yến nữa. Hiện anh đang sinh sống tại địa chỉ : Tổ Xuân Miếu 1, phường Cải Đan , thành phố Sông Công , tỉnh Thái Nguyên . Nay anh xác định không còn tình cảm với chị Yến và kiên quyết xin ly hôn. Bản thân anh hiện đang kinh doanh online bán mặt hàng tranh treo tường, thu nhập bình quân 10.000.000đ/tháng. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho chị Yến với mức 3.000.000đ/tháng kể từ tháng 4/2022 trở đi cho đến khi cháu Doanh đủ 18 tuổi.

* Tại biên bản xác minh ngày 01/6/2022 với đại diện chính quyền địa phương thì đại diện chính quyền địa phương cho biết như sau: Anh Đoàn và chị Yến có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Tiên Lục. Sau khi kết hôn, chị Yến về nhà anh Đoàn làm dâu và chung sống cùng gia đình anh Đoàn. Từ năm 2017, vợ chồng anh Đoàn, chị Yến lục đục, mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân là do anh Đoàn đi làm dưới Bắc Ninh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nay anh Đoàn không sinh sống tại địa phương. Giữa anh Đoàn và chị Yến có 02 con chung là Trần Văn Điềm, sinh năm 2000 và Trần Thị Kim Doanh, sinh ngày 06/12/2005. Địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

* Tại biên bản xác minh ngày 02/6/2022 của Tòa án với bà Nguyễn Thị Chất (mẹ đẻ anh Đoàn), bà Chất cho biết như sau: Bà là mẹ đẻ của anh Trần Văn Đoàn, anh Đoàn, chị Yến có đăng ký kết hôn hợp pháp và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi cưới, anh Đoàn và chị Yến chung sống cùng nhau nhưng vì không hợp nhau nên kể từ khi chị Yến sinh con đầu lòng được khoảng 07 tháng thì anh Đoàn đi làm ăn ở Bắc Ninh rất ít khi về nhà. Bà khuyên bảo vợ chồng cùng nhau xuống Bắc Ninh làm ăn thì chị Yến có xuống Bắc Ninh làm ăn cùng anh Đoàn nhưng sau đó có thai con thứ 2 nên chị Yến về nhà ở Bắc Giang sinh sống, anh Điềm vẫn làm ăn ở Bắc Ninh, thỉnh thoảng anh Đoàn mới về thăm nhà nhưng lại đi ngay. Giữa anh Đoàn và chị Yến không còn tình cảm, đã ly thân từ rất lâu, khi anh Đoàn về nhà thì anh cũng không nói chuyện gì với vợ con. Giữa anh Đoàn và chị Yến có 02 con chung là cháu Trần Văn Điềm, sinh năm 2000 và Trần Thị Kim Doanh, sinh năm 2005. Hiện chị Yến và 02 con đang ở cùng bà, anh Điềm làm ăn và sinh sống ở Thái Nguyên thì thoảng 1 năm về thăm nhà 3,4 lần. Nay anh Đoàn làm đơn xin ly hôn chị Yến, bà là mẹ cũng rất đau lòng và đã khuyên anh Đoàn nhưng không được, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Trần Thị Kim Doanh có chữ ký của chị Nguyễn Thị Yến, cháu Doanh trình bày: Khi bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, không mở phiên họp hòa giải do anh Đoàn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin vắng mặt toàn bộ trong quá trình giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và đều có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố các lời khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 328, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ vợ chồng xử cho anh Đoàn được ly hôn chị Yến; Về con chung: Giao con chung Trần Thị Kim Doanh, sinh ngày 06/12/2005 cho chị Yến chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Buộc anh Đoàn đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Doanh theo mức 3.000.000 đồng/01 tháng kể từ tháng 4/2022 cho đến khi cháu Doanh đủ 18 tuổi. Cháu Diễm đã trưởng thành các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Ngoài ra kiểm sát viên đề nghị HĐXX xem xét về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy:

[1]. Đơn khởi kiện của anh Trần Văn Đoàn cùng các tài liệu nộp theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức, nội dung đơn khởi kiện. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình cụ thể là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự pháp luật đã quy định. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm túc, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227, 228 và 328 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn, chị Yến có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang vào ngày 26/11/1999 nên xác định quan hệ hôn nhân của anh Đoàn, chị Yến là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Từ đơn khởi kiện cho đến bản tự khai và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn, lời khai của bị đơn đều xác định vợ chồng ly thân từ lâu, không còn quan hệ tình cảm với nhau. Chị Yến không muốn ly hôn với lý do việc ly hôn sẽ ảnh hưởng đến đời sống tinh thần của các con. Hội đồng xét xử xét thấy: Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng sống chung thủy, yêu thương tôn trọng lẫn nhau, tạo điều kiện để cho nhau phát triển về mọi mặt, nhưng hôn nhân của anh Đoàn và chị Yến không đạt được mục đích đó. Anh chị hiện không chung sống cùng nhau, thời gian ly thân đã quá dài, không còn quan tâm tới nhau khiến tình cảm vợ chồng bị xa cách, không có khả năng đoàn tụ. Chị Yến mặc dù không muốn ly hôn nhưng anh Đoàn kiên quyết xin ly hôn, do đó Tòa án căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Trần Văn Đoàn và chị Nguyễn Thị Yến ly hôn.

[3]. Về con chung: Anh Đoàn và chị Yến đều thừa nhận, quá trình chung sống với nhau anh chị có 02 con chung cháu Trần Văn Điềm, sinh ngày 14/11/2000 và Trần Thị Kim Doanh, sinh ngày 06/12/2005. Khi ly hôn, anh Điềm đề nghị Tòa án giao cháu Doanh cho chị Yến là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; cháu Điềm hiện đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Yến có lời khai chị đồng ý là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Doanh. HĐXX xét thấy, cháu Doanh hiện nay đang ở cùng chị Yến và cháu có nguyện vọng được ở cùng với chị Yến. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84- Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cho chị Yến là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Thị Kim Doanh, sinh ngày 06/12/2005. Cháu Trần Văn Điềm hiện đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Yến có yêu cầu anh Đoàn phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Doanh với mức

3.000.000 đồng/1 tháng kể từ thời điểm anh Đoàn đơn khởi kiện đến Tòa án (tháng 4/2022) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử thấy: Anh Đoàn hiện đang kinh doanh online, thu nhập bình quân 10.000.000đ/tháng, anh Đoàn đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo như mức cấp dưỡng, thời điểm cấp dưỡng như chị Yến yêu cầu. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, Điều 82-Luật Hôn nhân và gia đình, buộc anh Đoàn cấp dưỡng nuôi cháu Trần Thị Kim Doanh theo mức 3.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu Doanh đủ 18 tuổi là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của các đương sự và con chung. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng kể từ tháng 4 năm 2022 cho đến khi cháu Doanh đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Đoàn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Đoàn, chị Yến không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Anh Đoàn phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 228, 235, 328, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn Đoàn và chị Nguyễn Thị Yến ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Kim Doanh, sinh ngày 06/12/2005 cho chị Nguyễn Thị Yến trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Đoàn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn Đoàn phải cấp dưỡng nuôi con Trần Thị Kim Doanh cho chị Yến, mức cấp dưỡng 3.000.000đồng/01tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4 năm 2022 cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày chị Yến có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nếu anh Đoàn chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Án phí: Anh Trần Văn Đoàn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Đoàn đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012819 ngày 22/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Anh Đoàn tiếp tục phải nộp 300.000 đồng án phí theo quy định pháp luật.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Đoàn, chị Yến vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Lạ Chu Quốc Đạt

Vũ Thị Thiêm

